

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch vốn đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XIII, KỶ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 84/2015/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và danh mục dự án dự kiến khởi công mới thuộc vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Thái Nguyên;

Sau khi xem xét Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 18/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2017; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017 tỉnh Thái Nguyên

1. Nguyên tắc phân bổ:

Đảm bảo tuân thủ Nghị quyết số 84/2015/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và danh mục dự án dự kiến khởi công mới thuộc vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Thái Nguyên.

Đối với các nguồn vốn: Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA: Ngoài nguyên tắc nêu trên, phải thực hiện phân bổ theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

2. Nguồn vốn phân bổ:

a) Nguồn vốn ngân sách địa phương: 650.210 triệu đồng

b) Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, vốn ODA:

Tổng số vốn:	794.640 triệu đồng
Trong đó:	
- Vốn trong nước:	517.839 triệu đồng
+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia:	205.274 triệu đồng
+ Vốn Chương trình mục tiêu:	312.565 triệu đồng
- Vốn nước ngoài (ODA):	276.801 triệu đồng

3. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án năm 2017

(có các Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017. Trong quá trình tổ chức, thực hiện cần phải phân bổ chi tiết các nguồn vốn và điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

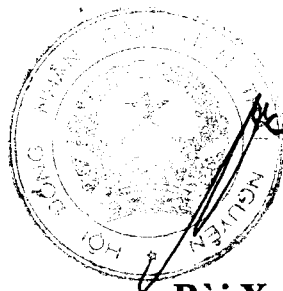
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Thái Nguyên khoá XIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Ban chỉ đạo GPMB và tái định cư tỉnh;
- Văn phòng điều phối chương trình XDNTM;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH;
- LĐ Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Phòng nghiệp vụ thuộc VP;
- Các CV Phòng Tổng hợp VP HĐND tỉnh;
- Báo Thái Nguyên, TTTT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa

Phụ lục số 1
KẾ HOẠCH NĂM 2017 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI
 (Kèm theo Nghị quyết số: 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
	TỔNG SỐ	650.210	
A	CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN THEO NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH VÀ QĐ CỦA TTCP	234.000	
I	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	95.000	Theo Phụ lục 4.1 - 4.3
II	Hỗ trợ thực hiện Nghị định 210/2013/NĐ-CP	9.000	Chi tiết giao sau
III	Hỗ trợ thực hiện Đề án 2037	6.000	Chi tiết giao sau
IV	Hỗ trợ đầu tư các xã ATK	124.000	
1	TX Phổ Yên	2.000	Giao sau theo Phương án đề xuất của UBND các huyện, TP, TX
2	Huyện Phú Bình	2.000	
3	Huyện Đông Hy	2.000	
4	Huyện Phú Lương	8.000	
5	Huyện Đại Từ	48.000	
6	Huyện Định Hóa	48.000	
7	Huyện Võ Nhai	14.000	
B	BỔ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	416.210	
I	PHẦN TỈNH QUẢN LÝ	259.235	
(1)	Dự án đã phê duyệt quyết toán	137.751	
1	Cải tạo, sửa chữa kênh hồ Gò Miếu, huyện Đại Từ	645	
2	Hồ Khuôn Lân, xã Hợp Thành, huyện Phú Lương	5.864	
3	Kè chống xói lở bờ sông Cầu xóm Đò, xã Nga My, huyện Phú Bình	5.786	
4	Nâng cấp, cải tạo đoạn đường từ ngã Ba Đán - Nghĩa trang Dốc Lim TPTN (giai đoạn I)	5.745	
5	Nâng cấp đường tỉnh lộ ĐT263 đoạn từ km0 - km3+328,76	3.283	
6	Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 269 (đoạn Km2-Km27+300)	31.273	
7	Nâng cấp, cải tạo đường ĐT266 đoạn từ ngã tư Diêm Thụy - Hà Châu	13.068	
8	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh Thái Nguyên	4.445	
9	Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm các thanh niên xung phong đại đội 915 hy sinh tại Lưu Xá, phường Gia Sàng TPTN. HM: San nền, kè đá, cống thoát nước	1.019	
10	Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm các thanh niên xung phong đại đội 915 hy sinh tại Lưu Xá, phường Gia Sàng TPTN. HM: Lắp đặt nội thất, nhà treo chuông, nhà treo khánh	546	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Lưu Nhân Chú, huyện Đại Từ	109	

(Chữ ký)

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
12	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công Nghệ Thái Nguyên	4.427	
13	Đầu tư hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện giữa UBND tỉnh TN với các đơn vị trực thuộc	2.775	
14	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Lương Ngọc Quyến (Nhà lớp học 15 phòng 3 tầng - Nhà số 4)	5.619	
15	Trường PTDTNT THCS Đại Từ. Hạng mục: Chi phí tư vấn, chi phí quản lý dự án, chi phí khác	759	
16	Trường PTDTNT THCS Đồng Hỷ. Gói thầu San nền, kê đá, hệ thống thoát nước, cổng hàng rào	3.238	
17	Trường PTDTNT THCS Đồng Hỷ. Gói thầu Nhà nội trú 3 tầng, nhà ăn	1.452	
18	06 trạm y tế xã (cấp bách) của tỉnh Thái Nguyên	884	
19	Bệnh viện tâm thần Thái Nguyên - giai đoạn 2. Hạng mục: Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật	732	
20	Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội huyện Phú Bình	837	
21	Nhà làm việc Trung tâm phát triển quỹ nhà - đất và đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật	3.002	
22	Khu tái định cư xã Tân Thái, huyện Đại Từ thuộc dự án Đầu tư tổng thể bố trí ổn định dân cư vùng bán ngập Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên	835	
23	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Ha xã Nhã Lộng huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên	5.618	
24	XD 3 hầm hợp liên hoàn cho 3 khối (Khối Đảng, Chính quyền, Quân sự) trong căn cứ hậu phương thuộc khu vực phòng thủ tỉnh Thái Nguyên	11.869	
25	Khoan phụt vữa gia cố thân đê sông Công đoạn từ K1 đến K8	670	
26	Đập Líp, xã Minh Đức, huyện Phổ Yên	4.040	
27	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình doanh trại Ban CHQS huyện Võ Nhai	280	
28	Xây dựng 04 trạm y tế xã cấp bách tỉnh Thái Nguyên năm 2015 (Vô Tranh, Phú Lý huyện Phú Lương; Linh Sơn huyện Đồng Hỷ; Bảo Cường huyện Định Hóa). Hạng mục: Trạm y tế xã Linh Sơn, Đồng Hỷ và Trạm y tế xã Vô Tranh, Phú Lương	4.072	
29	Cấp nước thị xã Sông Công tỉnh TN	7.049	
30	Cải tạo, nâng cấp trạm thủy sản Núi Cốc	3.342	
31	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Núi Cốc, TP TN	573	
32	Ổn định dân cư vùng thiên tai xóm Bậu, xã Bình Long, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	681	
33	Cụm công trình thủy lợi xã Tân Thái thuộc dự án Đầu tư tổng thể Bố trí ổn định dân cư vùng bán ngập Hồ Núi Cốc. Hạng mục: Đập + Kênh mương xóm Bãi Bằng, xã Tân Thái	248	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
34	Đường từ UBND xã Tân Dương - Làng Tràng - Làng Bẫy, xã Tân Dương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	1.282	
35	Nâng cấp Trung tâm Quản lý tâm thần tỉnh Thái Nguyên, hạng mục: Nhà số 4 - Khoa cấp cứu	1.684	
(2)	Các dự án đã hoàn thành bàn giao	52.702	
1	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau hồ Trại Gạo	377	
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi nam Thái Nguyên: Dự án thủy lợi lưu vực sông Hồng giai đoạn II	266	
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ Gò Miếu, hồ Đoàn Ủy huyện Đại Từ	445	
4	Công trình tưới sau hồ Bảo Linh (bổ sung)	103	
5	Hồ chứa nước Đèo Bụt xã Phượng Tiến huyện Định Hóa	5.604	
6	Sửa chữa, nâng cấp đập Pác Tác, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	2.639	
7	Công trình thủy lợi Hồ nước Hai huyện Phổ Yên	274	
8	Di chuyển các công trình công cộng phục vụ GPMB QL3 cũ (dự án ATGT quốc gia)	2.061	
9	Mở rộng mặt đường cửa ô vào tỉnh Thái Nguyên khu vực cầu Đa Phúc, QL3	11.909	
10	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ ĐT 268	1.208	
11	Xây dựng công lấy nước cung cấp nước thô cho nhà máy nước sạch Yên Bình	2.250	
12	Xây dựng không gian văn hoá trà tại xã Tân Cương, TPTN	2.738	
13	Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm các thanh niên xung phong đại đội 915 hy sinh tại Lưu Xá, phường Gia Sàng TPTN	1.872	
14	Nhà đón tiếp khách dâng hương tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	276	
15	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên	956	
16	Đầu tư trường quay tổng hợp và sản xuất chương trình phát thanh truyền hình tiếng dân tộc của tỉnh Thái Nguyên.	217	
17	Mở rộng, hoàn thiện cơ sở vật chất Trường THPT Trần Quốc Tuấn, huyện Đông Hỷ (GD II)	1.729	
18	Trường THPT Trần Quốc Tuấn huyện Đông Hỷ	293	
19	Trường PTDTNT THCS Đại Từ	648	
20	Trường PTDTNT THCS Đông Hỷ	1.759	
21	Trường PTDTNT THCS Phú Lương	3.522	
22	Trung tâm y tế huyện Đông Hỷ (các hạng mục còn lại)	113	
23	Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai	154	
24	Bệnh viện đa khoa huyện Phổ Yên	1.917	
25	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương	183	
26	Bệnh viện Tâm thần Thái Nguyên	58	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
27	Cải tạo nâng cấp mở rộng bệnh viện lao và bệnh phổi Thái Nguyên	801	
28	Dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	609	
29	Trụ sở khu đa trung tâm thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên	5.850	
30	Trụ sở phòng cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp	735	
31	Xây dựng các công trình và cải tạo hang, hầm tại xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	316	
32	Xây dựng các khu tái định cư phục vụ GPMB Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	450	
33	Di dân vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở đất núi xã Văn Lăng huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên	370	
(3)	Các dự án đang triển khai thực hiện	48.782	
1	DA nâng cao chất lượng an toàn sản phẩm phát triển chương trình khí sinh học	92	
2	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	609	
3	Khu nuôi nhốt cách ly, kiểm dịch động vật	208	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Mỏ Bạch kết hợp làm đường giao thông vào trường Đại học Nông Lâm và Trung tâm KTX Sinh viên Đại học Thái Nguyên	58	
5	Nâng cấp các cơ sở sản xuất giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	151	
6	Đường cứu hộ, cứu nạn trong vùng mưa lũ huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên	394	
7	Hồ Cây Vi xã Tân Thái huyện Đại Từ thuộc Dự án đầu tư tổng thể bố trí ổn định dân cư vùng bán ngập Hồ Núi Cốc	655	
8	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ nút giao Yên Bình đến KCN Yên Bình	1.893	
9	Đường nối Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) - Khu công nghiệp Yên Bình I, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ Km1+631,8 - Km3+369,6)	5.696	
10	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ KCN Yên Bình đến đường ĐT266 (KCN Diềm Thụy)	3.892	
11	Trường trung cấp nghề giao thông vận tải Thái Nguyên. Hạng mục: Bồi thường, san lấp mặt bằng	386	
12	Đường nối từ Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến KCN Yên Bình I, đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km 1+631,8	4.981	
13	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	8.167	
14	Quảng trường Võ Nguyên Giáp	2.038	
15	Nâng cấp đường vào di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khau Tý	60	

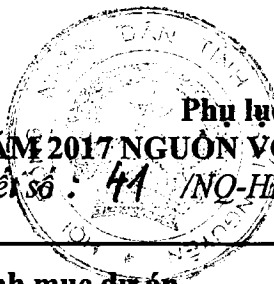
TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
16	Nhà lớp học 16 phòng Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên	114	
17	Nhà ở lưu sinh viên Lào và Căm Pu Chia Trường Cao đẳng KTTC Thái Nguyên	219	
18	Trường TC nghề Nam Thái Nguyên	310	
19	Nhà lớp học Trường PTDTBT THCS Vũ Chấn, huyện Võ Nhai; Nhà lớp học Trường THCS Kim Sơn, huyện Định Hóa; Nhà lớp học, nhà công vụ giáo viên Trường THCS Vô Tranh, huyện Phú Lương	118	
20	TT y tế huyện Phú Lương (TT Y tế dự phòng huyện Phú Lương)	519	
21	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em thành Nhà điều trị khoa nội IV tại bệnh viện A Thái Nguyên	116	
22	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hỷ	46	
23	Bệnh viện Gang thép	35	
24	Xây dựng 04 trạm y tế xã cấp bách tỉnh Thái Nguyên năm 2015 (Vô Tranh, Phú Lý huyện Phú Lương; Linh Sơn huyện Đông Hỷ; Bảo Cường huyện Định Hóa)	127	
25	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng, giai đoạn I. Hạng mục: Khoa dinh dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	150	
26	Trường chính trị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013-2015	5.293	
27	Trụ sở làm việc các cơ quan ban Đảng Tỉnh ủy	2.600	
28	Trụ sở nhà làm việc liên cơ quan Trạm Thú y thành phố Thái Nguyên, Trạm Truyền giống gia súc và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp và Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	145	
29	Xây dựng nhà công vụ và đón khách của Văn phòng Tỉnh ủy	1.268	
30	Nhà hội trường làm việc của Ủy ban MTTQ tỉnh Thái Nguyên	136	
31	Trụ sở Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy - cứu nạn - cứu hộ thị xã Sông Công	246	
32	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Ban CHQS huyện Phú Lương	113	
33	Đồn Công an và Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu công nghiệp Yên Bình	2.190	
34	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Thái	955	
35	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	4.802	
(4)	Các dự án khởi công mới	20.000	
*	Dự án do Sở, ngành làm chủ đầu tư	10.000	
1	Đường nội bộ trong khu vực trụ sở Tỉnh ủy	500	
2	Sửa nhà B Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên	1.000	
3	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên	1.000	
4	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT Ngô Quyền	500	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
5	Nhà hội trường UBND tỉnh Thái Nguyên	1.000	
6	Trụ sở làm việc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Thái Nguyên	1.000	
7	Trụ sở Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	500	
8	Trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh	500	
9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh giai đoạn 2016-2020.	1.000	
10	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên	500	
11	Khoa khám bệnh - Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Hỷ	500	
12	Trường PTDT nội trú THCS Định Hóa	1.000	
13	Trường PTDT nội trú THCS Đồng Hỷ	1.000	
*	Dự án do UBND các huyện làm chủ đầu tư	10.000	
1	Trung tâm văn hóa huyện Định Hóa. Hạng mục: Nhà Hội trường 500 chỗ ngồi.	1.000	
2	Trường Tiểu học Tân Quang xã Tân Quang TP Sông Công	500	
3	Trung tâm văn hóa huyện Phú Lương. Hạng mục sân bóng và khán đài	500	
4	Đầu tư xây dựng Trường THCS Phan Mễ II huyện Phú Lương	500	
5	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	500	
6	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất Nhà thiếu nhi Thái Nguyên	1.000	
7	Trường Trung học cơ sở Trại Cau (Tách trường cấp 2 - 3 Trại Cau)	500	
8	Xây dựng mới Tuyến đường ĐT269 Mỏ Sắt - Bãi Vàng xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ	500	
9	Nâng cấp tuyến đường xóm Tân Thịnh Văn Lãng Đồng Hỷ đi xóm Hạ Sơn Thần Sa Võ Nhai	1.000	
10	Đường giao thông nông thôn xã Phú Cường huyện Đại Từ	500	
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Đức Lương đi Phú Cường huyện Đại Từ	1.000	
12	Hồ sinh thái - Công viên Cây xanh thị trấn Đình Cả huyện Võ Nhai;	1.000	
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cù Vân - Phục Linh Đại Từ	500	
14	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Cầu Mây - Tân Kim - Tân Thành	500	
15	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng, các công trình phụ trợ và cải tạo sửa chữa các phòng chức năng trường MN Núi Voi, huyện Đồng Hỷ	500	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
II	PHÂN HUYỆN QUẢN LÝ	156.975	
1	TP Thái Nguyên	18.784	Giao sau theo Phương án đề xuất của UBND các huyện, TP, TX
2	TP Sông Công	14.304	
3	TX Phổ Yên	18.561	
4	Huyện Phú Bình	15.741	
5	Huyện Đông Hỷ	16.970	
6	Huyện Phú Lương	14.702	
7	Huyện Đại Từ	20.436	
8	Huyện Định Hóa	19.593	
9	Huyện Võ Nhai	17.884	

Handwritten signature

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN



Phụ lục số 2

KẾ HOẠCH NĂM 2017 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số : **44** /NQ-HĐND ngày **08** /12/2016 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
	TỔNG SỐ	517.839	
A	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	205.274	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	111.000	Giao chi tiết sau khi có QĐ giao vốn của TW
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	94.274	
B	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	312.565	
I	Chương trình phát triển KT-XH các vùng	101.393	
(1)	Các dự án hoàn thành	1.420	
1	Khu tái định cư xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ - thuộc dự án Đầu tư tổng thể bố trí ổn định dân cư vùng bán ngập Hồ Núi Cốc, tỉnh TN	1.420	
(2)	Các dự án chuyển tiếp	99.973	
1	Đường Giao thông liên xã Quốc lộ 3, Khe Mát xã Phán Mễ, huyện Phú Lương	5.000	
2	Cải tạo, nâng cấp ĐT272 Quang Sơn - Phú Đô - Núi Phán tỉnh Thái Nguyên (đoạn Km12+264-Km17+835)	7.000	
3	Đường giao thông liên xã Tràng Xá - Phương Giao, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên kết nối với huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	13.000	
4	Đường Giang Tiên-Phú Đô-Núi Phán, huyện Phú Lương	10.000	
5	Đầu tư tổng thể bố trí, ổn định dân cư vùng bán ngập Hồ Núi Cốc: Hạng mục Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, ổn định dân cư tại các xã Phúc Tân, Lục Ba, Vạn Thọ,	10.000	
6	Hồ Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ	10.000	
7	Hạ tầng ngoài hàng rào KCN Yên Bình. Hạng mục: Đường nối QL3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến KCN Yên Bình (đoạn từ Km3+369 đến Km5+370) và ĐT261	17.473	
8	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà (Nâng cấp thành ĐT 270B)	17.500	
9	Đường Thăng Lợi kéo dài, thành phố Sông Công	10.000	
II	Chương trình mục tiêu Hỗ trợ đối ứng ODA cho địa phương	139.105	Chi tiết theo Phụ lục số 3
III	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững	22.785	
IV	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	14.810	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
(1)	Các dự án chuyển tiếp	14.810	
1	Xây mới công số 1 đê Chã, số 6 đê Chã và công số 8 đê Sông Công	2.500	
2	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng rừng đặc dụng và vùng ĐBKK 06 xã: Cúc Đường, Thần Sa, Thượng Nung, Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sáng Mộc, huyện Võ Nhai GEĐ 2007-2010 có tính đến 2015	3.000	
3	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã huyện Phô Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100)	4.000	
4	Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản tỉnh Thái Nguyên	5.310	
V	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo	5.696	
(1)	Các dự án chuyển tiếp	5.696	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020	5.696	
VI	Chương trình mục tiêu Quốc phòng An ninh trên địa bàn trọng điểm	15.949	
(1)	Các dự án chuyển tiếp	15.949	
1	Đường Bán Cái - Thượng Lương, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	4.462	
2	Đường Na Giang - Khe Rạc - Cao Sơn xã Vũ Chấn đi Cao Biền xã Phú Thượng huyện Võ Nhai	11.487	
VII	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	6.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp	6.000	
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	6.000	
VIII	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hạ tầng du lịch	6.827	
(2)	Các dự án chuyển tiếp	6.827	
1	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)	6.827	

①

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Phụ lục số 3

KẾ HOẠCH 2017 VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số : **41** /NQ-HĐND ngày **08** /12/2016 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng số	Trong đó	
			NSTW	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)
	TỔNG SỐ	415.906	139.105	276.801
I	Lĩnh vực hạ tầng đô thị	351.906	115.105	236.801
(1)	Dự án hoàn thành năm 2016			
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm B</i>			
1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc TP Thái Nguyên - Giai đoạn I	89.000	45.000	44.000
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017			
<i>b</i>	<i>Dự án nhóm A</i>			
1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc TP Thái Nguyên - Giai đoạn II	262.906	70.105	192.801
II	Lĩnh vực Thoát nước và xử lý nước thải	44.000	24.000	20.000
<i>c</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</i>			
	<i>Dự án nhóm B</i>			
1	Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên	44.000	24.000	20.000
III	Lĩnh vực cấp nước và vệ sinh môi trường	20.000	0	20.000
(2)	Dự án khởi công mới năm 2017			
	<i>Dự án nhóm B</i>			
1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	20.000	0	20.000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Phụ lục số 4.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số : 41 /NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Đơn vị	Tổng số xã	Trong đó				Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ XD NTM năm 2017					Đơn vị thực hiện
			Xã đã đạt chuẩn	Xã NTM kiểu mẫu	Xã đăng ký đạt chuẩn	Xã còn lại	Tổng nguồn vốn	Trong đó				
								Xã đăng ký đạt chuẩn 2017	Xã NTM kiểu mẫu	Xã đã đạt chuẩn	Các xã còn lại	
	TỔNG CỘNG	140	49	3	10	78	95.000	40.000	6.000	17.800	31.200	
1	TP. Thái Nguyên	8	7	1			4.100	-	2.000	2.100	-	UBND TP Thái Nguyên
2	TP. Sông Công	4	4				1.200	-	-	1.200	-	UBND TP Sông Công
3	TX. Phổ Yên	14	5		2	7	12.300	8.000	-	1.500	2.800	UBND TX Phổ Yên
4	Huyện Đại Từ	28	8	1	2	17	19.200	8.000	2.000	2.400	6.800	UBND H. Đại Từ
5	Huyện Phú Lương	14	7		1	6	8.500	4.000	-	2.100	2.400	UBND H. Phú Lương
6	Huyện Phú Bình	20	6	1	2	11	16.200	8.000	2.000	1.800	4.400	UBND H. Phú Bình
7	Huyện Đồng Hỷ	15	5		2	8	12.700	8.000	-	1.500	3.200	UBND H. Đồng Hỷ
8	Huyện Định Hóa	23	4		1	18	12.400	4.000	-	1.200	7.200	UBND H. Định Hóa
9	Huyện Võ Nhai	14	3			11	5.300	-	-	900	4.400	UBND H. Võ Nhai
10	Trả nợ các công trình nước sạch và VSMTNT						3.100	-	-	3.100	-	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN



Phụ lục số 4.2

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH
HỖ TRỢ XÂY DỰNG NTM NĂM 2017 TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Đơn vị/ danh mục công trình	Xã khu vực	Kế hoạch năm 2017	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	TỔNG SỐ		91.900		
I	Huyện Phú Lương		8.500	UBND huyện Phú Lương	
I.1	Xã đăng ký đạt chuẩn năm 2017		4.000		
(1)	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương (90%)	II	4.000		
1	Giao thông		1.000		
	Đường trục xã, liên xã xã Động Đạt		1.000		
2	Thủy lợi		320		
	Xây dựng kênh mương thủy lợi xã Động Đạt		320		
3	Tiêu chí Trường học		1.500		
	Xây dựng Trường THCS Động Đạt 1: HM Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng		1.500		
4	Cơ sở vật chất văn hóa		1.180		
	Xây mới 04 phòng chức năng		200		
	Xây dựng mới khu thể thao xã Động Đạt		980		
I.2	Các xã còn lại, xã đã đạt chuẩn NTM		4.500		
II	Huyện Định Hóa		12.400	UBND huyện Định Hóa	
I.1	Xã đăng ký đạt chuẩn năm 2017		4.000		
(1)	Xã Phúc Chu, huyện Định Hóa (90%)	II	4.000		Xã ATK
1	Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa		4.000		
	Xây mới nhà văn hóa xã và 4 phòng chức năng		3.240		
	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao xã		270		
	Xây mới 08 nhà văn hóa xóm		490		
II.2	Các xã còn lại, xã đã đạt chuẩn NTM		8.400		
III	Huyện Đại Từ		19.200	UBND Huyện Đại Từ	
III.1	Xã đăng ký đạt chuẩn năm 2017		8.000		
(1)	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ (90%)	II	4.000		Xã ATK
1	Giao thông: Đường trục xã, liên xã		1.550		

TT	Đơn vị/ danh mục công trình	Xã khu vực	Kế hoạch năm 2017	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	Tuyển từ xóm Đèo xã Phú Cường đi xóm Cường Thịnh xã Phú Thịnh		400		
	Tuyển từ xóm Văn cường 3-xóm Thanh Mỹ xã Phú Cường đi xóm Thống Nhất xã Đức Lương		650		
	Tuyển từ Trạm điện xóm Văn cường 3 - xóm Na Quýt nối đường liên xã Na Mao - Phú Cường - Đức Lương		500		
2	Thủy lợi		680		
	Xây dựng kênh mương thủy lợi xã Phú Cường		680		
3	Trường học		1.500		
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Phú Cường		1.500		
4	Cơ sở vật chất văn hóa		270		
	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao xã Phú Cường		270		
(2)	Xã Phục Linh, huyện Đại Từ (90%)	II	4.000		Xã ATK
1	Thủy lợi		2.480		
	Xây dựng kênh mương thủy lợi xã Phục Linh		2.480		
2	Cơ sở vật chất văn hóa		1.270		
	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao xã Phục Linh		270		
	Xây mới 10 NVH xóm		1.000		
3	Môi trường		250		
	Đầu tư hệ thống thu, gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường NT		250		
III. 2	Các xã còn lại, xã đã đạt chuẩn NTM		9.200		
III.3	XD Xã nông thôn mới kiểu mẫu		2.000		
IV	Huyện Đồng Hỷ		12.700	UBND Huyện Đồng Hỷ	
IV.1	Xã đăng ký đạt chuẩn năm 2017		8.000		
(1)	Xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ (90%)	II	4.000		
1	Giao thông		1.000		
	Đường trục xã, liên xã xã Khe Mo		1.000		
2	Thủy lợi		300		
	Trạm bơm điện và kênh mương xóm Đèo Khế 4, xã Khe Mo		300		
3	Trường học		1.000		
	Trường THCS xã Khe Mo: HM Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng		1.000		
4	Cơ sở vật chất văn hóa		1.400		

TT	Đơn vị/ danh mục công trình	Xã khu vực	Kế hoạch năm 2017	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	Xây dựng mới nhà văn hóa trung tâm xã và 4 phòng chức năng xã Khe Mo		900		
	Xây dựng mới khu thể thao xã Khe Mo		500		
5	Chợ		300		
	Xây dựng mới chợ xã Khe Mo		300		
(2)	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hỷ (90%)	II	4.000		
1	Giao thông		1.200		
	Đường trục xã, liên xã, ngậm tràn xã Quang Sơn		1.200		
2	Thủy lợi		1.100		
	Xây dựng trạm bơm điện và kênh mương xóm Lân Tây, xã Quang sơn		400		
	XD, sửa chữa kênh mương nội đồng xóm Xuân Quang 1, xã Quang Sơn		300		
	Xây dựng trạm bơm điện và kênh mương xóm Viên Ván, xã Quang sơn		400		
3	Trường học		400		
	XD Nhà lớp học 2 phòng điểm trường Mầm non Lân Đăm và Nhà văn hóa xóm Lân Đăm, xã Quang Sơn.		400		
4	Cơ sở vật chất văn hóa		1.300		
	Nâng cấp, mở rộng Nhà văn hóa trung tâm xã và XD 4 phòng chức năng xã Quang Sơn		600		
	Xây dựng mới khu thể thao xã Quang Sơn		700		
IV.2	Các xã còn lại, xã đã đạt chuẩn NTM		4.700		
V	Huyện Phú Bình		16.200	UBND Huyện Phú Bình	
V.1	Xã đăng ký đạt chuẩn năm 2017		8.000		
(1)	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình (85%)	I	4.000		
1	Giao thông		1.000		
	Đường trục xã, liên xã xã Tân Đức		1.000		
2	Thủy lợi		800		
	Xây dựng kênh mương thủy lợi xã Tân Đức		800		
3	Trường học		2.200		
	Xây dựng Trường THCS xã Tân Đức: HM Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng		2.200		
(2)	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình (85%)	I	4.000		
1	Giao thông		1.300		
	Đường trục xã, liên xã Xã Thượng Đình		1.300		

TT	Đơn vị/ danh mục công trình	Xã khu vực	Kế hoạch năm 2017	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
2	Trường học		1.800		
	Xây dựng Trường THCS xã Thượng Đình: HM nhà lớp học 2 tầng 8 phòng		1.800		
3	Cơ sở vật chất văn hóa		900		
	Xây mới khu thể thao xã		900		
V.2	Các xã còn lại, xã đã đạt chuẩn NTM		6.200		
V.3	XD Xã nông thôn mới kiểu mẫu		2.000		
VI	Thị xã Phổ Yên		12.300	UBND Thị xã Phổ Yên	
VI.1	Xã đăng ký đạt chuẩn năm 2017		8.000		
(1)	Xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên (90%)	II	4.000		
1	Cơ sở vật chất văn hóa		3.260		
	Xây dựng mới nhà văn hóa xã và 4 phòng chức năng		2.500		
	Xây dựng mới khu thể thao xã		760		
2	Chợ nông thôn		500		
	Xây dựng chợ xã Phúc Thuận		500		
3	Môi trường		240		
	Đầu tư hệ thống thu, gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường NT		240		
(2)	Xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên (85%)	I	4.000		
1	Giao thông		1.800		
	Đường trục xã, liên xã Xã Trung Thành		1.800		
2	Cơ sở vật chất văn hóa		2.200		
	Xây dựng mới nhà văn hóa xã và 4 phòng chức năng xã Trung Thành		1.500		
	Xây dựng mới khu thể thao xã Trung Thành		700		
VI.2	Các xã còn lại		4.300		
VII	Huyện Võ Nhai		5.300	UBND huyện Võ Nhai	
VII.1	Các xã còn lại, xã đã đạt chuẩn NTM		5.300		
VIII	TP Thái Nguyên		4.100	UBND TP Thái Nguyên	
VIII.2	XD Xã nông thôn mới kiểu mẫu		2.000		
VIII.3	Các xã còn lại, xã đã đạt chuẩn NTM		2.100		
IX	TP Sông Công (xã đã đạt chuẩn NTM)		1.200	UBND TP Sông Công	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN



Phụ lục số 4.3

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH
TỈNH HỖ TRỢ CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VSMT NÔNG THÔN NĂM 2017
TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số : **41** /NQ-HĐND ngày **08/12/2016** của HĐND tỉnh)
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3.100		
I	Dự án hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán	305		
1	Nâng cấp mở rộng CT cấp nước SH xã Đồng Bầm-TP Thái Nguyên	305	TT Nước sinh hoạt & VSMT NT	
II	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	2.795		
1	Công trình cấp nước SH xã Tân Thái - Đại Từ	200	TT Nước sinh hoạt & VSMT NT	
2	Công trình cấp nước SH xã Xuân Phương - Phú Bình	200	TT Nước sinh hoạt & VSMT NT	
3	Cấp nước SH xã Tân Hương, H Phổ Yên	1.750	TT Nước sinh hoạt & VSMT NT	
4	Cấp nước SH xã Huống Thượng huyện Đồng Hỷ (GD 2014-2015)	645	TT Nước sinh hoạt & VSMT NT	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

